TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HS-PT
Ngày: 02 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu.**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Lê Huy**

Ông **Võ Ngọc Giàu**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Hồng Sơn –** Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sátnhân dân tỉnh Tiền Giangtham gia phiên tòa:*** Ông **Hồ Minh Hiếu**- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 30/2025/TLPT-HS ngày11 tháng 02 năm 2025 đối vớibị cáo Trần Hữu P và Nguyễn Ngọc P1 có khángcáo củacác bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số:61/2024/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dânhuyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Các bị cáo kháng cáo:*

1/ Trần Hữu P; Tên gọi khác: S máu, sinh ngày 09/9/1982 tại Tiền Giang. Thẻ CCCD: 082082009705. Nơi cư trú: Số B Đ, khu phố A, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); Vợ: Trần Thị T và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không có;

Về nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 38/HSPT ngày 26/6/2001, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 04 năm tù về hành vi cố ý gây thương tích, chấp hành xong hình phạt ngày 02/6/2004. Bản án hình sự phúc thẩm số 78/2010/HSPT ngày 25/6/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 08/9/2010.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/7/2024 đến nay.

2/ Nguyễn Ngọc P3, sinh ngày 02/01/1982, tại Tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa:

03/12; Con ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị N1; Vợ: Nguyễn Thị Diễm T1; Con: 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/10/2024 đến nay.

Luật sư bào chữa bảo vệ quyền lợi cho bị cáo P3: Bà Nguyễn Thị Á – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Á – Đoàn Luật sư tỉnh T

- Ngoài ra, bản án còn có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờngày 25/4/2024, tại nhà bị cáo Trần Hữu P tổ chức uống bia cùng với chị Trần Thị T, bị cáo Nguyễn Ngọc P3, anh Nguyễn Văn Ngọc C và chị Nguyễn Thị Diễm H. Cùng lúc này, cạnh nhà bị cáo P là nhà anh Trần Văn S1 cũng đang tổ chức nhậu có anh S1, anh Lê Văn K, chị Trần Thị D, anh T2, anh M và anh H1. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo Phong cầm ly bia từ nhà của bị cáo P qua nhà của anh S1 mời anh S1 02 lần nhưng anh S1 không đồng ý. Khi anh S1 không uống thì anh K nhớ đến việc P3 đánh anh S1 trước đó nên anh K hỏi bị cáo P3 "Có phải người đánh anh S1 không?", bị cáo P3 trả lời "Có" thì anh K liền dùng tay phải đánh một cái trúng vào mặt bị cáo P3 làm bị cáo P3 té ngã, bị cáo P3 bỏ chạy về nhà bị cáo P và la lên "S ơi tụi nó đánh tao". Khi bị cáo P nghe bị cáo P3 la liền nhìn về hướng anh K thì thấy anh K và anh S1 lấy dao tự chế cầm trên tay đòi chém bị cáo P3 thì hai bên xảy ra cự cãi, đòi đánh nhau nhưng được mọi người can ngăn. Sau đó, bị cáo P tức giận và muốn bênh vực bị cáo P3 nên P chạy ra nhà sau lấy 01 dao yếm bầu nhỏ, anh K ném dao vào người bị cáo P nhưng không trúng, P liền dùng tay phải cầm dao yếm bầu chém một cái theo chiều ngang từ phải sang trái vào người anh K, anh K liền đưa tay trái ra đỡ nên trúng vào cẳng tay trái của anh K, anh K bỏ chạy vào nhà anh S1 thì bị cáo P bỏ về. Cùng lúc, bị cáo P3 chạy bên hông nhà bị cáo P lấy 01 dao yếm cán gỗ, nhìn thấy P đang cầm dao chém anh K, anh K bỏ chạy vào nhà của anh S1, P3 cầm dao đuổi theo, anh K chạy ra nhà sau bên hông nhà thì bị vấp té nên bị cáo P3 cầm dao bằng tay phải chém 01 cái theo hướng từ trên xuống trúng ngón tay út trên bàn tay trái của anh K, thấy anh K chảy nhiều máu, bị cáo P3 bỏ đi, sau đó anh K được mọi người đưa đi cấp cứu.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 con dao dài 31cm, cán bằng gỗ dài 13cm, đường kính 2,5cm, lưỡi dao bằng kim loại nhọn cong, sắc bén dài 18cm, nơi rộng nhất 04cm, cán dao có khoen bằng kim loại.

+ 01 dao yếm có đặc điểm dài 38,5cm, cán bằng gỗ, có khâu bằng kim loại dài 13,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 25cm, mũi dao bầu, nơi rộng nhất lưỡi dao 05cm.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 207/2024/KLTTCT-TTPY ngày 25/6/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với anh Lê Văn K kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân anh Lê Văn K là 13%. Xác định vật gây thương tích cho anh K là vật sắc gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HSST ngày 24 tháng12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Hữu P, Nguyễn Ngọc P3 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

* Xử phạt bị cáo Trần Hữu P 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P3 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phầnxử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/01/2025 bị cáo Trần Hữu P kháng cáo với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/01/2025 bị cáo Nguyễn Ngọc P3 kháng cáo với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Hữu P, Nguyễn Ngọc P3 khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo P xin được giảm nhẹ hình phạt, bị cáo P3 xin được giảm nhẹ và được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, cho rằng mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Hữu P và Nguyễn Ngọc P3 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo P3, bà Nguyễn Thị Á trình bày: Tại cấp phúc thẩm bị cáo P3 có bổ sung đơn xin giãm nhẹ hình phạt cho bị cáo của bị hại, cung cấp tài liệu chứng minh có cô ruột là Liệt sĩ. Bị cáo P3 có nhân thân tốt, học vấn thấp nên không am hiểu pháp luật, có hoàn cảnh khó khăn và là lao động chính trong gia đình. Theo Luật sư, nguyên nhân ban đầu dẫn đến sự việc là do P3 bị đánh trước, do nóng giận nhất thời mà có hành vi vi phạm pháp luật.

Với các tình tiết giãm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, cùng với tình tiết mới bỗ sung, Luật sư đề nghị áp dụng Điều 54 giảm nhẹ hình phạt, đồng thời cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cãi tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khaivà các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Khoảng 11 giờngày 25/4/2024,, bị cáo Trần Hữu P đã có hành vi cầm hung khí nguy hiểm là dao yếm sắc chém 01 cái trúng vào cẳng tay trái của anh K gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 12%, bị cáo P3 dùng hung khí nguy hiểm chém anh K 01 cái trúng vào ngón tay út bàn tay trái gây thương tích với tỷ lệ thương tật 01%, tổng tỷ lệ thương tật của anh K là 13%. Hành vi của hai bị cáo được xác định là đồng phạm giản đơn, cùng suy nghỉ, cùng hành động chém bị hại Lê Văn K với thương tích như nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết hai bị cáo phạmtội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2]. Án sơ thẩm xác định hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, nơi bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Về mặt ý thức chủ quan, bị cáo biết rõ việc gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ cá nhân mà bị cáo cố ý thực hiện hành vi tội phạm. Điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian, mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo thành người tốt sống có ích cho xã hội, đồng thời ngăn ngừa loại tội phạm này trong tình hình hiện nay. Bên cạnh đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mặc khác, xét thấy bị cáo Trần Hữu P, có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Ngọc P3 có cha mẹ của bị cáo là người cao tuổi, vợ bị bệnh tâm thần và đang nuôi con nhỏ 4 tuổi và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hậu quả của hành vi là không lớn nên cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51, Điều 54 giảm một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Hội đồng xét xư thấy rằng hành vi của bị cáo là nguy hiểm, hậu quả đối với hành vi trên là nghiêm trọng. Khi lượng hình Tòa sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả. Tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án như nêu trên đối với 02 bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, xác định bị cáo P3 là đồng phạm của bị cáo P, cả hai cùng bị truy tố theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Tòa cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 54 để xử phạt bị cáo P3 01 năm tù là thiếu sót cần được bổ sung. Như nhận định nêu trên mức án của hai bị cáo là tương xúng với hành vi và hậu quả. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4]. Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận, Riêng ý kiến và đề nghị của Luật sư đối với bị cáp P3 Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Trần Hữu P, Nguyễn Ngọc P3 không được chấp nhân nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Hữu P, Nguyễn Ngọc P3, giữ nguyên bản án hình sự số 61/2024/HSST ngày 24 tháng12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Tuyên bố các bị cáo Trần Hữu P, Nguyễn Ngọc P3 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu P 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P3 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Hữu P và Nguyễn Ngọc P3, mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CATG;
- TAND huyện Cai Lậy;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Trung Hiếu